| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TAM BÌNH**<br>**TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 59/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 04 – 6 – 2019.
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Cao Minh Tân.

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến.

2. Ông Huỳnh Văn Hùng.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Dương Kim Huyền – Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình***: Không tham gia phiên toà.

Ngày 04 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 516/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1979; cư trú tại ấp M, xã E, huyện Q, tỉnh Vĩnh Long (*có mặt*).

- *Bị đơn*: Anh Hứa Quốc T, sinh năm 1977; cư trú tại ấp B, xã P, huyện Q, tỉnh Vĩnh Long (*vắng mặt*).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 11 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh N trình bày*:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết được sự đồng ý của gia đình, chị và anh Hứa Quốc T tổ chức lễ cưới vào năm 1999 và đăng ký kết hôn vào ngày 25/9/2001 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Q, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 09 năm đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, làm cho vợ chồng bất hòa, thường xuyên cự cải dẫn đến mất hạnh phúc. Mặc dù,

bản thân chị và gia đình đã khuyên nhủ anh T, chị cố gắn vun đắp tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả. Nên vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2008 đến nay không trở về đoàn tụ. Qua thời gian sống ly thân, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung sống không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có với nhau 01 người con chung tên Hứa Nguyễn Quốc A, sinh ngày 06/4/2001. Trước đây, chị có yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu A cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Tuy nhiên, nguyện vọng của cháu A được sống với anh T. Nay, cháu A đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Để chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị và anh T không nợ chung ai, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm*:

Anh Hứa Quốc T đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N cũng như giao nộp theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Tranh chấp về ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tam Bình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về thủ tục tố tụng*: Anh Hứa Quốc T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[3]. *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Ánh N và anh Hứa Quốc T là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xuất phát từ việc anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác làm cho vợ chồng cự cải dẫn đến mất hạnh phúc. Chị N và anh T có thời gian dài sống ly thân từ năm 2008 đến nay không trở về đoàn tụ. Chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn ý tiếp tục chung sống với anh T. Đủ cơ sở kết luận, đời sống chung giữa chị N và anh T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị N và anh T.

[4]. *Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng*: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, cháu Hứa Nguyễn Quốc A đã trên 18 tuổi là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần. Chị N trình bày tài sản chung tự thỏa thuận với anh T; chị Nvà anh T không nợ chung ai, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do tất cả các vấn đề về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[5]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn. Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, giải quyết chị N phải chịu án phí ly hôn và được khấu trừ xong vào trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

**1.** Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ánh N và anh Hứa Quốc T.

**2.** Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

**3.** Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Ánh N phải nộp án phí số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Số tiền này chị N được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số No 0011412 ngày 04 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

**4.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**6.** Vụ án được xét xử công khai. Có mặt chị Nguyễn Thị Ánh N là nguyên đơn. Vắng mặt anh Hứa Quốc T là bị đơn. Báo cho chị N có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh T vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + BĐ: 02;
- UBND xã P: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
*(Đã ký)*

**Cao Minh Tân**